

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM
Số: 05/2013/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 22 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2039/TTr- SNV ngày 24/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 26/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, làng (*gọi chung là thôn*) được tổ chức ở xã;
2. Tổ dân phố, khối...(*gọi chung là tổ dân phố*) được tổ chức ở phường, thị trấn;
3. Thôn, tổ dân phố (*sau đây gọi chung là thôn*) không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ cấp trên giao và hương ước, quy ước do thôn quy định.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của thôn

1. Thôn chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã. Hoạt động của thôn phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.
2. Không chia tách các thôn đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới.
3. Khuyến khích việc sáp nhập thôn để thành lập thôn mới nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Chương II

THÀNH LẬP, SÁT NHẬP, ĐỔI TÊN THÔN, GHÉP CỤM DÂN CƯ

Điều 4. Điều kiện thành lập thôn mới

Các thôn nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dân dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới ở vùng núi cao, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, nơi có địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đòi hỏi phải thành lập thôn mới thì điều kiện thành lập thôn mới:

1. Quy mô hộ gia đình: Đối với địa bàn nông thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên, đối với địa bàn đô thị có từ 150 hộ gia đình trở lên.

2. Các điều kiện khác:

- Thôn phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân.

- Đối với địa bàn nông thôn phải bảo đảm diện tích đất ở và đất sản xuất bình quân của mỗi hộ gia đình ít nhất bằng mức bình quân chung của xã.

Điều 5. Quy trình và hồ sơ thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn

1. Căn cứ nguyên tắc và điều kiện thành lập thôn quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) cho chủ trương thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn. Sau khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn;

b) Tên gọi của thôn mới;

c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);

d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới;

đ) Diện tích tự nhiên của thôn mới (đối với địa bàn nông thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là ha;

e) Các điều kiện khác quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quy chế này;

g) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn về Đề án thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực **thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn** tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng

nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này);

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và văn bản đề nghị của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập, sáp nhập, đổi tên thôn.

Điều 6. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn

Trường hợp không thành lập thôn mới theo quy định tại Điều 4 Quy chế này thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào thôn gần nhất cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, của cụm dân cư; trình tự, thủ tục ghép cụm dân cư vào thôn như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản xin chủ trương Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), sau khi có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho chủ trương, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn hiện có;

b) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn sau khi ghép (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);

c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn sau khi ghép;

d) Diện tích tự nhiên của thôn sau khi ghép (đối với địa bàn nông thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;

đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyên đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN

Điều 7. Tổ chức của thôn

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (*sau đây gọi là Trưởng thôn*), Phó Trưởng thôn, Tổ Phó tổ dân phố (*sau đây gọi là Phó Trưởng thôn*).

2. Trưởng thôn là người đại diện cho nhân dân và đại diện cho chính quyền cấp xã để thực hiện nhiệm vụ được giao tại thôn, chịu sự lãnh đạo của chi bộ thôn hoặc chi bộ, đảng bộ xã, phường, thị trấn (nơi chưa có chi bộ thôn) và chịu sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Phó Trưởng thôn là người giúp việc cho Trưởng thôn, thay mặt Trưởng thôn giải quyết công việc trong thôn theo sự phân công của Trưởng thôn và chịu trách nhiệm trước Trưởng thôn và Ủy ban nhân dân cấp xã đối với công việc được giao.

4. Mỗi thôn có Trưởng thôn, 01 Phó Trưởng thôn. Đối với thôn ở địa bàn nông thôn có trên 500 hộ gia đình, địa bàn đô thị có trên 600 hộ gia đình thì có thể bố trí thêm một Phó Trưởng thôn (*ưu tiên xem xét đối với những thôn có từ 02 cụm dân cư trở lên ở cách xa nhau, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn*). Việc bố trí thêm Phó Trưởng thôn do Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, cho chủ trương.

5. Trong thôn có các tổ, ban (*tổ hoà giải, tổ an ninh, ban giám sát các công trình có sự đóng góp của nhân dân*) do chính quyền thành lập hoặc do nhân dân bầu ra và giải thể theo yêu cầu thực tế của từng địa phương; thành viên các tổ chức này hoạt động do Trưởng thôn phối hợp với Ban công tác Mặt trận quản lý và chỉ đạo.

6. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn

a) Trưởng thôn có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp thành lập thôn mới hoặc khuyết Trưởng thôn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn lâm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn bầu được Trưởng thôn mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn lâm thời;

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn.

Điều 8. Nội dung hoạt động của thôn

1. Cộng đồng dân cư thôn bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; bàn và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản không trái với quy định của pháp luật trong việc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, xoá đói, giảm nghèo; thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những công việc do cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đối với thôn; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu “Thôn văn hoá”; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

2. Thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn; tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Thực hiện sự lãnh đạo của chi bộ thôn hoặc Đảng uỷ cấp xã hay chi bộ sinh hoạt ghép (nơi chưa có chi bộ thôn), củng cố và duy trì hoạt động có hiệu quả của các tổ chức tự quản khác của thôn theo quy định của pháp luật.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn và Phó Trưởng thôn. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

5. Các nội dung hoạt động của thôn theo quy định tại Điều này được thực hiện thông qua hội nghị của thôn, tổ dân phố.

Điều 9. Hội nghị của thôn

1. Hội nghị thôn được tổ chức mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn. Hội nghị do Trưởng thôn triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn tham dự.

2. Việc tổ chức đề nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn

1. Nhiệm vụ:

a) Bảo đảm các hoạt động của thôn theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quy chế này;

b) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn;

c) Triển khai thực hiện những nội dung do cộng đồng dân cư của thôn bàn và quyết định trực tiếp; tổ chức nhân dân trong thôn thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nhiệm vụ do cấp trên giao.

d) Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn không trái với quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn tổ chức nhân dân tham gia thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, phong trào “Dân vận khéo” và các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

e) Tổ chức vận động nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn;

g) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn; lập biên bản về những vấn đề đã được nhân dân của thôn bàn và quyết định trực tiếp, bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

h) Phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản (nếu có) của thôn như: Tổ hoà giải, Tổ quần chúng bảo vệ an ninh và trật tự, Ban

giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ bảo vệ sản xuất và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật;

i) Hằng tháng báo cáo kết quả công tác với Ủy ban nhân dân cấp xã; sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

k) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận tổ chức cho nhân dân góp ý kiến về báo cáo kết quả công tác của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

l) Quản lý các loại văn bản, hồ sơ, tài liệu, sổ sách được giao và lập biên bản bàn giao đầy đủ các loại văn bản, hồ sơ, tài liệu, sổ sách cho Trưởng thôn mới khi không còn làm Trưởng thôn.

2. Quyền hạn:

a) Được ký hợp đồng về dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng do thôn đầu tư đã được hội nghị thôn thông qua;

b) Trưởng thôn giới thiệu để bầu Phó Trưởng thôn; phân công nhiệm vụ và quy định quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng thôn; được cấp trên mời dự họp về các vấn đề liên quan;

c) Thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn

1. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn được hưởng phụ cấp theo quy định hiện hành, được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, kiến thức cần thiết.

2. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG THÔN

Điều 12. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Phó trưởng thôn

Trưởng thôn, Phó trưởng thôn phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hoá, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp

vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Điều 13. Công tác chuẩn bị hội nghị bầu Trưởng thôn

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1 -2 người).

3. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác Mặt trận thôn; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử, quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn chậm nhất 7 ngày trước ngày bầu cử.

Điều 14. Bầu cử Trưởng thôn

1. Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị bầu cử Trưởng thôn. Hội nghị bầu Trưởng thôn được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Việc bầu cử Trưởng thôn thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử;

b) Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định việc đề Trưởng thôn đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của Trưởng thôn.

c) Tổ trưởng tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của Trưởng thôn;

d) Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn giới thiệu danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn do Ban công tác Mặt trận thôn đề cử và Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy trình quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy chế này. Tại hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử;

đ) Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, Tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử được thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành;

e) Tiến hành bầu Trưởng thôn:

- Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định;

- Nếu bầu bằng hình thức giơ tay, Tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử làm nhiệm vụ kiểm phiếu.

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn; số cử tri tham gia hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn.

Người trúng cử Trưởng thôn là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn và có số phiếu cao nhất.

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử.

g) Tổ trưởng tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

3. Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn cho đến khi bầu được Trưởng thôn mới.

Điều 15. Việc công nhận kết quả bầu cử

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 16. Quy trình miễn nhiệm Trưởng thôn

1. Trưởng thôn có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác.

2. Thủ tục, trình tự tổ chức việc miễn nhiệm:

a) Người xin miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn nhiệm chức danh Trưởng thôn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Trưởng thôn được điều động làm công tác khác thì không cần có đơn xin miễn nhiệm;

b) Việc miễn nhiệm Trưởng thôn được thực hiện tại hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn. Trưởng ban công tác Mặt trận thôn chủ trì hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn;

Hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn tham dự;

c) Trình tự hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn:

- Trưởng ban công tác Mặt trận thôn chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị;

- Trưởng thôn trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm;

- Hội nghị thảo luận, đánh giá quá trình hoạt động của Trưởng thôn;

- Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ;

- Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn tán thành việc miễn nhiệm Trưởng thôn thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, miễn nhiệm.

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh Trưởng thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn cho đến khi bầu được Trưởng thôn mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Việc bầu Trưởng thôn mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng thôn.

Điều 17. Quy trình bãi nhiệm Trưởng thôn

1. Trưởng thôn khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn kiến nghị.

Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc của ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn kiến nghị thì Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn để xem xét bãi nhiệm Trưởng thôn.

Trưởng ban công tác Mặt trận thôn chủ trì hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn.

Hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn tham dự. Ngoài số cử tri thuộc thành phần dự hội nghị, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham dự. Khách mời được phát biểu ý kiến, nhưng không được biểu quyết.

2. Trình tự hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn:

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị;

b) Trưởng thôn trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trường hợp Trưởng thôn không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của Trưởng thôn;

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến;

d) Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm Trưởng thôn. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ;

Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn tán thành việc bãi nhiệm Trưởng thôn thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn lập biên bản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, bãi nhiệm.

đ) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cử Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn cho đến khi bầu được Trưởng thôn mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu Trưởng thôn mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn.

Điều 18. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn

1. Trưởng thôn giới thiệu người đề bầu Phó Trưởng thôn (sau khi có sự thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn).

2. Việc tổ chức bầu cử Phó Trưởng thôn có thể được tổ chức đồng thời tại hội nghị bầu cử Trưởng thôn hoặc tổ chức hội nghị riêng

3. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn thực hiện như đối với Trưởng thôn.

Điều 19. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 21. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng